

DANH SÁCH 250 THỬA ĐẤT ĐỦ ĐIỀU KIỆN
CHUYỂN NHƯỢNG QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT ĐÃ CÓ HẠ TẦNG KỸ THUẬT
TRONG DỰ ÁN BẤT ĐỘNG SẢN CHO CÁ NHÂN TỰ XÂY DỰNG NHÀ Ở
(Kèm theo Văn bản số 125/SXD-QLN ngày 11/03/2025)

Dự án: Đầu tư xây dựng Khu nhà ở đô thị phía Đông Nam Đồng Văn thuộc Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 khu vực phía Đông phường Đồng Văn, thị xã Duy Tiên

Địa điểm: Phường Đồng Văn, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam

STT	Tên ô đất theo QH chi tiết 1/500	Giấy chứng nhận QSĐĐ	Tờ bản đồ số	Số thửa đất	Diện tích thửa đất (m ²)	Ngày cấp	Địa chỉ
1	LK1 - 17	DL 752442	4	244	87.5	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
2	LK1 - 18	DL 752441	4	243	87.5	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
3	LK1 - 19	DL 752440	4	242	87.5	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
4	LK1 - 20	DL 752439	4	241	87.5	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
5	LK1 - 21	DL 752438	4	240	87.5	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
6	LK1 - 22	DL 752437	4	239	87.5	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
7	LK1 - 23	DL 752436	4	238	87.5	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
8	LK1 - 24	DL 752435	4	237	87.5	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
9	LK1 - 25	DL 752434	4	236	87.5	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
10	LK1 - 26	DL 752433	4	235	87.5	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
11	LK1 - 27	DL 752432	4	234	87.5	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
12	LK1 - 29	DL 752428	4	230	120	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
13	LK1 - 30	DL 752429	4	231	120	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam

STT	Tên ô đất theo QH chi tiết 1/500	Giấy chứng nhận QSDD	Tờ bản đồ số	Số thửa đất	Diện tích thửa đất (m2)	Ngày cấp	Địa chỉ
14	LK1 - 31	DL 752430	4	232	120	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
15	LK1 - 32	DL 752431	4	233	165.5	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
16	LK2 - 1	DL 752461	4	263	87.5	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
17	LK2 - 2	DL 752462	4	264	87.5	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
18	LK2 - 3	DL 752463	4	265	87.5	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
19	LK2 - 4	DL 752464	4	266	87.5	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
20	LK2 - 5	DL 752465	4	267	87.5	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
21	LK2 - 6	DL 752466	4	268	87.5	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
22	LK2 - 7	DL 752467	4	269	87.5	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
23	LK2 - 8	DL 752468	4	270	87.5	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
24	LK2 - 9	DL 752469	4	271	87.5	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
25	LK2 - 10	DL 752470	4	272	87.5	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
26	LK2 - 11	DL 606754	4	273	87.5	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
27	LK2 - 17	DL 752450	4	252	83.7	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
28	LK2 - 18	DL 752451	4	253	83.7	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
29	LK2 - 19	DL 752452	4	254	83.7	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
30	LK2 - 20	DL 752453	4	255	83.7	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
31	LK2 - 21	DL 752454	4	256	83.7	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam

STT	Tên ô đất theo QH chi tiết 1/500	Giấy chứng nhận QSDD	Tờ bản đồ số	Số thửa đất	Diện tích thửa đất (m2)	Ngày cấp	Địa chỉ
32	LK2 - 22	DL 752455	4	257	83.8	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
33	LK2 - 23	DL 752456	4	258	83.8	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
34	LK2 - 24	DL 752457	4	259	83.8	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
35	LK2 - 25	DL 752458	4	260	83.8	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
36	LK2 - 26	DL 752459	4	261	83.8	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
37	LK2 - 27	DL 752460	4	262	83.8	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
38	LK2 - 28	DL 752472	4	274	159.8	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
39	LK2 - 29	DL 752473	4	275	119.8	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
40	LK2 - 30	DL 752474	4	276	120.2	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
41	LK2 - 31	DL 752475	4	277	120.5	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
42	LK2 - 32	DL 752476	4	278	153.1	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
43	LK3 - 10	DL 606678	7	197	117.00	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
44	LK3 - 11	DL 606679	7	198	117.00	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
45	LK3 - 12	DL 606680	7	199	117.00	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
46	LK3 - 13	DL 606681	7	200	161.20	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
47	LK3 - 14	DL 606518	7	237	87.40	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
48	LK3 - 15	DL 606519	7	238	87.50	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
49	LK3 - 16	DL 606520	7	239	87.50	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam

STT	Tên ô đất theo QH chi tiết 1/500	Giấy chứng nhận QSDD	Tờ bản đồ số	Số thửa đất	Diện tích thửa đất (m2)	Ngày cấp	Địa chỉ
50	LK3 - 17	DL 606521	7	240	87.50	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
51	LK3 - 18	DL 606522	7	241	87.50	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
52	LK3 - 19	DL 606523	7	242	87.50	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
53	LK3 - 20	DL 606524	7	243	87.50	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
54	LK3 - 21	DL 606525	7	244	87.50	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
55	LK4 - 9	DL 606532	7	251	97.70	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
56	LK4 - 10	DL 606531	7	250	171.60	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
57	LK4 - 11	DL 606526	7	245	87.50	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
58	LK4 - 12	DL 606527	7	246	87.50	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
59	LK4 - 13	DL 606528	7	247	87.50	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
60	LK4 - 14	DL 606529	7	248	87.50	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
61	LK4 - 15	DL 606530	7	249	87.50	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
62	LK5 - 1	DL 606517	7	236	87.50	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
63	LK5 - 2	DL 606516	7	235	87.50	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
64	LK5 - 3	DL 606515	7	234	87.50	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
65	LK5 - 4	DL 606514	7	233	87.50	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
66	LK5 - 5	DL 606513	7	232	87.50	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
67	LK5 - 6	DL 606512	7	231	87.50	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam

STT	Tên ô đất theo QH chi tiết 1/500	Giấy chứng nhận QSDD	Tờ bản đồ số	Số thửa đất	Diện tích thửa đất (m2)	Ngày cấp	Địa chỉ
68	LK5 - 7	DL 606511	7	230	87.50	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
69	LK5 - 8	DL 606510	7	229	87.50	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
70	LK5 - 9	DL 606682	7	201	151.40	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
71	LK5 - 10	DL 606683	7	202	117.00	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
72	LK5 - 11	DL 606684	7	203	117.00	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
73	LK5 - 12	DL 606685	7	204	117.00	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
74	LK5 - 13	DL 606686	7	205	152.80	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
75	LK5 - 14	DL 606687	7	206	83.70	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
76	LK5 - 15	DL 606688	7	207	83.70	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
77	LK5 - 16	DL 606689	7	208	83.70	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
78	LK5 - 17	DL 606690	7	209	83.70	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
79	LK5 - 18	DL 606691	7	210	83.80	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
80	LK5 - 19	DL 606692	7	211	83.80	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
81	LK5 - 20	DL 606693	7	212	83.80	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
82	LK5 - 21	DL 606694	7	213	83.80	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
83	LK6 - 1	DL 606509	7	228	87.50	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
84	LK6 - 2	DL 606508	7	227	87.50	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
85	LK6 - 3	DL 606507	7	226	87.50	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam

STT	Tên ô đất theo QH chi tiết 1/500	Giấy chứng nhận QSDD	Tờ bản đồ số	Số thửa đất	Diện tích thửa đất (m2)	Ngày cấp	Địa chỉ
86	LK6 - 4	DL 606506	7	225	87.50	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
87	LK6 - 5	DL 606505	7	224	87.50	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
88	LK6 - 6	DL 606504	7	223	191.10	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
89	LK6 - 7	DL 606503	7	222	97.90	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
90	LK6 - 8	DL 606502	7	221	97.90	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
91	LK6 - 9	DL 606501	7	220	97.90	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
92	LK6 - 10	DL 606700	7	219	173.20	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
93	LK6 - 11	DL 606695	7	214	83.70	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
94	LK6 - 12	DL 606696	7	215	83.70	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
95	LK6 - 13	DL 606697	7	216	83.70	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
96	LK6 - 14	DL 606698	7	217	83.70	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
97	LK6 - 15	DL 606699	7	218	83.70	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
98	LK7 - 1	DL 752477	7	96	204.10	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
99	LK7 - 2	DL 752478	7	97	156.20	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
100	LK7 - 3	DL 752479	7	98	155.60	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
101	LK7 - 4	DL 752480	7	99	155.00	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
102	LK7 - 5	DL 752481	7	100	154.40	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
103	LK7 - 6	DL 752482	7	101	153.80	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam

STT	Tên ô đất theo QH chi tiết 1/500	Giấy chứng nhận QSDD	Tờ bản đồ số	Số thửa đất	Diện tích thửa đất (m2)	Ngày cấp	Địa chỉ
104	LK7 - 7	DL 752483	7	102	153.30	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
105	LK7 - 8	DL 752484	7	103	152.70	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
106	LK7 - 9	DL 752485	7	104	151.60	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
107	LK7 - 10	DL 752486	7	105	152.80	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
108	LK7 - 11	DL 752487	7	106	150.50	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
109	LK7 - 12	DL 752488	7	107	148.30	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
110	LK7 - 13	DL 752489	7	108	146.00	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
111	LK7 - 14	DL 606626	7	145	202.50	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
112	LK7 - 15	DL 606625	7	144	154.20	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
113	LK7 - 16	DL 606624	7	143	153.20	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
114	LK7 - 17	DL 606623	7	142	152.30	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
115	LK7 - 18	DL 606622	7	141	151.30	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
116	LK7 - 19	DL 606621	7	140	150.30	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
117	LK7 - 20	DL 606620	7	139	149.30	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
118	LK7 - 21	DL 606619	7	138	148.40	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
119	LK7 - 22	DL 606618	7	137	147.40	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
120	LK7 - 23	DL 606617	7	136	144.00	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
121	LK7 - 24	DL 606616	7	135	144.00	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam

STT	Tên ô đất theo QH chi tiết 1/500	Giấy chứng nhận QSDD	Tờ bản đồ số	Số thửa đất	Diện tích thửa đất (m2)	Ngày cấp	Địa chỉ
122	LK7 - 25	DL 606615	7	134	144.00	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
123	LK7 - 26	DL 606614	7	133	144.00	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
124	LK8 - 1	DL 752490	7	109	147.50	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
125	LK8 - 2	DL 752491	7	110	145.30	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
126	LK8 - 3	DL 606742	7	111	143.00	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
127	LK8 - 4	DL 752493	7	112	140.70	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
128	LK8 - 5	DL 752494	7	113	138.60	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
129	LK8 - 6	DL 752495	7	114	136.90	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
130	LK8 - 7	DL 752496	7	115	135.10	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
131	LK8 - 8	DL 752497	7	116	133.30	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
132	LK8 - 9	DL 752498	7	117	131.60	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
133	LK8 - 10	DL 752499	7	118	210.30	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
134	LK8 - 11	DL 752500	7	119	136.00	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
135	LK8 - 12	DL 606601	7	120	136.00	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
136	LK8 - 13	DL 606613	7	132	138.00	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
137	LK8 - 14	DL 606612	7	131	138.00	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
138	LK8 - 15	DL 606611	7	130	138.00	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
139	LK8 - 16	DL 606610	7	129	138.00	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam

STT	Tên ô đất theo QH chi tiết 1/500	Giấy chứng nhận QSDD	Tờ bản đồ số	Số thửa đất	Diện tích thửa đất (m2)	Ngày cấp	Địa chỉ
140	LK8 - 17	DL 606609	7	128	138.00	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
141	LK8 - 18	DL 606608	7	127	138.00	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
142	LK8 - 19	DL 606607	7	126	138.00	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
143	LK8 - 20	DL 606606	7	125	138.00	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
144	LK8 - 21	DL 606605	7	124	138.00	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
145	LK8 - 22	DL 606604	7	123	138.00	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
146	LK8 - 23	DL 606603	7	122	138.00	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
147	LK8 - 24	DL 606602	7	121	240.70	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
148	LK9 - 1	DL 606627	7	146	171.60	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
149	LK9 - 2	DL 606628	7	147	132.00	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
150	LK9 - 3	DL 606629	7	148	132.00	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
151	LK9 - 4	DL 606630	7	149	132.00	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
152	LK9 - 5	DL 606631	7	150	132.00	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
153	LK9 - 6	DL 606632	7	151	132.00	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
154	LK9 - 7	DL 606633	7	152	132.00	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
155	LK9 - 8	DL 606634	7	153	132.00	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
156	LK9 - 9	DL 606635	7	154	132.00	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
157	LK9 - 10	DL 606636	7	155	132.00	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam

STT	Tên ô đất theo QH chi tiết 1/500	Giấy chứng nhận QSDD	Tờ bản đồ số	Số thửa đất	Diện tích thửa đất (m2)	Ngày cấp	Địa chỉ
158	LK9 - 11	DL 606637	7	156	132.00	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
159	LK9 - 12	DL 606638	7	157	132.00	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
160	LK9 - 13	DL 606639	7	158	132.00	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
161	LK10 - 1	DL 606640	7	159	132.00	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
162	LK10 - 2	DL 606641	7	160	132.00	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
163	LK10 - 3	DL 606642	7	161	132.00	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
164	LK10 - 4	DL 606643	7	162	132.00	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
165	LK10 - 5	DL 606644	7	163	132.00	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
166	LK10 - 6	DL 606645	7	164	132.00	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
167	LK10 - 7	DL 606646	7	165	132.00	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
168	LK10 - 8	DL 606647	7	166	132.00	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
169	LK10 - 9	DL 606648	7	167	132.00	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
170	LK10 - 10	DL 606649	7	168	132.00	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
171	LK10 - 11	DL 606650	7	169	132.00	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
172	LK10 - 12	DL 606651	7	170	230.00	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
173	LK13 - 1	DL 606712	7	331	193.40	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
174	LK13 - 2	DL 606711	7	330	131.90	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
175	LK13 - 3	DL 606710	7	329	132.00	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam

STT	Tên ô đất theo QH chi tiết 1/500	Giấy chứng nhận QSDD	Tờ bản đồ số	Số thửa đất	Diện tích thửa đất (m2)	Ngày cấp	Địa chỉ
176	LK13 - 4	DL 606709	7	328	132.00	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
177	LK13 - 5	DL 606708	7	327	132.00	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
178	LK13 - 6	DL 606707	7	326	132.00	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
179	LK13 - 7	DL 606706	7	325	132.00	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
180	LK13 - 8	DL 606705	7	324	132.00	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
181	LK13 - 9	DL 606704	7	323	132.00	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
182	LK13 - 10	DL 606703	7	322	132.00	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
183	LK13 - 11	DL 606702	7	321	132.00	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
184	LK13 - 12	DL 606581	7	300	225.60	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
185	LK13 - 13	DL 606582	7	301	138.00	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
186	LK13 - 14	DL 606583	7	302	138.00	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
187	LK13 - 15	DL 606584	7	303	132.00	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
188	LK13 - 16	DL 606585	7	304	132.00	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
189	LK13 - 17	DL 606586	7	305	132.00	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
190	LK13 - 18	DL 606587	7	306	132.00	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
191	LK13 - 19	DL 606588	7	307	132.00	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
192	LK13 - 20	DL 606589	7	308	132.00	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
193	LK13 - 21	DL 606590	7	309	132.00	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam

STT	Tên ô đất theo QH chi tiết 1/500	Giấy chứng nhận QSDD	Tờ bản đồ số	Số thửa đất	Diện tích thửa đất (m2)	Ngày cấp	Địa chỉ
194	LK13 - 22	DL 606591	7	310	132.00	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
195	LK14 - 1	DL 606701	7	320	132.00	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
196	LK14 - 2	DL 606600	7	319	132.00	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
197	LK14 - 3	DL 606599	7	318	205.20	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
198	LK14 - 4	DL 606598	7	317	125.90	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
199	LK14 - 5	DL 606597	7	316	125.90	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
200	LK14 - 6	DL 606596	7	315	125.90	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
201	LK14 - 7	DL 606595	7	314	125.90	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
202	LK14 - 8	DL 606594	7	313	205.30	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
203	LK14 - 9	DL 606593	7	312	132.00	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
204	LK14 - 10	DL 606592	7	311	132.00	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
205	LK15 - 1	DL 606580	7	299	215.50	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
206	LK15 - 2	DL 606579	7	298	132.00	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
207	LK15 - 3	DL 606578	7	297	132.00	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
208	LK15 - 4	DL 606577	7	296	132.00	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
209	LK15 - 5	DL 606576	7	295	132.00	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
210	LK15 - 6	DL 606575	7	294	132.00	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
211	LK15 - 7	DL 606574	7	293	132.00	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam

STT	Tên ô đất theo QH chi tiết 1/500	Giấy chứng nhận QSDD	Tờ bản đồ số	Số thửa đất	Diện tích thửa đất (m2)	Ngày cấp	Địa chỉ
212	LK15 - 8	DL 606573	7	292	132.00	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
213	LK15 - 9	DL 606572	7	291	132.00	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
214	LK15 - 10	DL 606571	7	290	132.00	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
215	LK15 - 11	DL 606570	7	289	132.00	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
216	LK16 - 1	DL 606569	7	288	132.00	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
217	LK16 - 2	DL 606568	7	287	132.00	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
218	LK16 - 3	DL 606567	7	286	132.00	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
219	LK16 - 4	DL 606566	7	285	132.00	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
220	LK16 - 5	DL 606565	7	284	193.40	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
221	LK18 - 3	DL 606564	7	283	189.10	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
222	LK18 - 4	DL 606563	7	282	168.10	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
223	LK19 - 1	DL 606726	7	345	115.50	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
224	LK19 - 2	DL 606725	7	344	115.30	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
225	LK19 - 3	DL 606724	7	343	114.70	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
226	LK19 - 4	DL 606723	7	342	114.10	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
227	LK19 - 5	DL 606722	7	341	113.50	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
228	LK19 - 6	DL 606721	7	340	112.90	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
229	LK19 - 7	DL 606720	7	339	112.30	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam

STT	Tên ô đất theo QH chi tiết 1/500	Giấy chứng nhận QSDD	Tờ bản đồ số	Số thửa đất	Diện tích thửa đất (m2)	Ngày cấp	Địa chỉ
230	LK19 - 8	DL 606740	7	359	110.00	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
231	LK19 - 9	DL 606739	7	358	112.50	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
232	LK19 - 10	DL 606738	7	357	112.50	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
233	LK19 - 11	DL 606737	7	356	112.50	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
234	LK19 - 12	DL 606736	7	355	112.50	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
235	LK19 - 13	DL 606735	7	354	112.50	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
236	LK19 - 14	DL 606734	7	353	112.50	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
237	LK20 - 1	DL 606719	7	338	111.20	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
238	LK20 - 2	DL 606718	7	337	110.60	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
239	LK20 - 3	DL 606717	7	336	110.00	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
240	LK20 - 4	DL 606716	7	335	109.40	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
241	LK20 - 5	DL 606715	7	334	108.80	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
242	LK20 - 6	DL 606714	7	333	108.20	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
243	LK20 - 7	DL 606713	7	332	105.60	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
244	LK20 - 8	DL 606733	7	352	112.50	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
245	LK20 - 9	DL 606732	7	351	112.50	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
246	LK20 - 10	DL 606731	7	350	112.50	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
247	LK20 - 11	DL 606730	7	349	112.50	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam

STT	Tên ô đất theo QH chi tiết 1/500	Giấy chứng nhận QSDD	Tờ bản đồ số	Số thửa đất	Diện tích thửa đất (m2)	Ngày cấp	Địa chỉ
248	LK20 - 12	DL 606729	7	348	112.50	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
249	LK20 - 13	DL 606728	7	347	112.50	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
250	LK20 - 14	DL 606727	7	346	107.90	20/9/2023	Phường Đồng Văn, TX Duy Tiên, tỉnh Hà Nam